

Số: 177/BC-SNNPTNT

Ninh Thuận, ngày 17 tháng 4 năm 2020

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện tháng 4, nhiệm vụ triển khai tháng 5 năm 2020 của Ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn

#### I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ tháng 04 năm 2020

##### 1. Sản xuất nông nghiệp

###### a) Trồng trọt

###### \* Sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020

Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020 hiện có 25.288,9 ha, vượt 2,0% KH, giảm 15,9% so cùng kỳ. Trong đó: Diện tích gieo trồng mới trong vụ là 20.423,7 ha (đã kết thúc vụ), vượt 2,4% KH, giảm 21,5% so với cùng kỳ.

Diện tích các loại cây trồng ước đạt: Lúa 11.974,2 ha, giảm 29,8% so cùng kỳ; Ngô 2.371,4 ha, giảm 11,7% so cùng kỳ; Mì 5.193,9 ha, tăng 16% so cùng kỳ; Rau các loại 3.024,5 ha, giảm 2,9% so cùng kỳ, đậu các loại 803,7 ha tăng 1,8% so cùng kỳ ...

###### \* Công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng vụ Đông Xuân 2019-2020

Tính đến ngày 15/4 diện tích thực hiện chuyển đổi cây trồng vụ Đông Xuân 2019 – 2020 đã thực hiện 897,2 ha/591,2 ha KH, vượt 51,8% KH<sup>1</sup>. Trong đó: Chuyển đổi trên đất lúa 757,70 ha, đất khác 139,5 ha.

###### \* Thực hiện mô hình sản xuất cánh đồng lớn

Toàn tỉnh đã gieo trồng được 2.619,75 ha/22 cánh đồng lớn. Trong đó, triển khai mới 03 cánh đồng lúa với diện tích 250 ha<sup>2</sup>; tiếp tục duy trì 19 cánh đồng với diện tích 2.369,75 ha<sup>3</sup> (15 cánh đồng lúa 2.224,83 ha, 02 cánh đồng măng tây 35 ha, 01 cánh đồng nho 29,92 ha, 01 cánh đồng bắp giống 80 ha).

<sup>1</sup> Cụ thể tại các huyện: Ninh Sơn 526,7 ha/175 ha KH, Ninh Phước 77,5 ha/70,2 ha KH, Ninh Hải 17 ha/15 ha KH, Bác Ái 113 ha/100 ha KH, Thuận Bắc 51,5 ha/50 ha KH, Thuận Nam 111,5 ha/181 ha KH.

<sup>2</sup> Triển khai mới 03 cánh đồng lớn: Cánh đồng lúa tại HTX dịch vụ nông nghiệp Bàu Trúc, Phước Dân 100ha/100haKH; cánh đồng lúa tại HTX dịch vụ nông nghiệp Bình Quý, Phước Dân 100ha/100haKH; cánh đồng lúa tại HTX dịch vụ nông nghiệp Tân Lập 1, Lương Sơn 50ha/50 ha KH.

<sup>3</sup> Tiếp tục duy trì 19 cánh đồng lớn: Cánh đồng bắp giống tại Phước Vinh 80ha/80ha KH; cánh đồng măng tây tại xã An Hải 25ha/35ha KH; cánh đồng măng tây tại xã Phước Hải 10ha/20ha KH; cánh đồng nho tại xã Vĩnh Hải 29,92ha/29,92ha KH; cánh đồng lúa tại HTX DV nông nghiệp Như Bình, Phước Thái 102ha/102ha KH, cánh đồng lúa tại HTX KDDV nông nghiệp Hoài Trung, Phước Thái 120ha/120ha KH, cánh đồng lúa tại HTX KDDV nông nghiệp Phước Hậu 150ha/150ha KH, cánh đồng lúa tại HTX DV nông nghiệp Trường Thọ, Phước Hậu 413ha/593ha KH, cánh đồng lúa tại HTX DV nông nghiệp Vạn Phước, Phước Thuận 207ha/207ha KH,

## b) Tình hình nguồn nước tại các hồ chứa

Tính đến ngày 16/4/2020, lượng nước tích được của 21 hồ chứa trên địa bàn tỉnh 32,40 triệu m<sup>3</sup>/194,49 triệu m<sup>3</sup>, chiếm 16,66% dung tích thiết kế; lượng nước của hồ Đơn Dương 75,53 triệu m<sup>3</sup>/165 triệu m<sup>3</sup>, đạt 45,78% dung tích thiết kế, lưu lượng nước vào hồ 5,08 m<sup>3</sup>/s và đang xả với lưu lượng 12,84 m<sup>3</sup>/s; đã có 20/21 hồ chứa trong tình dưới hoặc xấp xỉ mực nước chết.

### \* Tác động của hạn hán đối với sản xuất nông nghiệp:

Tính đến ngày 16/4/2020, tổng diện tích cây trồng bị thiệt hại do hạn hán gây ra trên địa bàn toàn tỉnh là 180,95 ha, trong đó cây lúa: 108,45 ha; cây màu: 43,3 ha; cây ăn quả 22,2 ha, cây lâm nghiệp: 07 ha. Số vật nuôi thiệt hại là 02 con trâu tại huyện Bắc Ái. Tình hình cháy rừng xảy ra 82 điểm với tổng diện tích rừng bị cháy là 55.49 ha (*huyện Ninh Sơn: 43,12 ha, huyện Bắc Ái: 12,07 ha, huyện Thuận Nam: 0,3 ha*); các điểm cháy rừng đều được phát hiện và huy động lực lượng chữa cháy kịp thời nên không gây thiệt hại đến cây rừng.

### \* Các giải pháp chống hạn đang triển khai:

Thực hiện Chỉ thị số 67-CT/TU ngày 07/02/2020 của Tỉnh Ủy và Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 09/01/2020 của UBND tỉnh, Ngành đã chủ động phối hợp với các Sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện giải pháp phòng chống hạn: triển khai các mô hình sản xuất phù hợp với điều kiện hạn hán (*như: Mô hình tưới tiết kiệm, mô hình xem canh, luân canh có hiệu quả; quy trình quản lý dịch hại tổng hợp IPM, quản lý nước trong ruộng lúa theo từng giai đoạn sinh trưởng và chủ động tưới theo quy trình ướt – khô kẽ nhằm tiết giảm sử dụng nước trong sản xuất lúa*), thực hiện phương án bảo vệ đàn gia súc; phương án phòng chống cháy rừng,... Chuẩn bị đầy đủ vật tư, hóa chất, nhân lực nhằm khắc phục ngay sự cố nếu xảy ra, giảm thiểu mất nước. Đồng thời, phối hợp với địa phương nạo vét, khơi thông dòng chảy các suối còn nước; rà soát, vận hành tốt các công trình cấp nước tập trung; dự phòng thêm một số máy bơm để tăng công suất ở các trạm, các hồ dưới mực nước chết.

## c) Chăn nuôi

Tổng đàn gia súc hiện có 487.753 con<sup>4</sup>, giảm 2,6 % so cùng kỳ. Tổng đàn gia cầm hiện có 1.653.800 con, tăng 6,21% so cùng kỳ. Sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm lũy kế đến tháng 4 là 11.899 tấn (*gồm: thịt gia súc 9.929,2 tấn; thịt*

---

cánh đồng lúa tại HTX DV nông nghiệp Phước Khánh, Phước Thuận 117ha/117ha KH, cánh đồng lúa tại HTX DV nông nghiệp Phú Quý, thị trấn Phước Dân 100ha/150ha KH, cánh đồng lúa tại Mông Nhuận, Phước Hữu 200ha/400ha KH, cánh đồng lúa tại thôn Ninh Quý, xã Phước Sơn 124,5ha/124,5ha KH, cánh đồng lúa tại HTX DV nông nghiệp An Xuân, Xuân Hải 158,8ha/158,8ha KH, cánh đồng lúa tại thôn Gò Đền, xã Tân Hải 108ha/157,84ha KH, cánh đồng lúa tại thôn An Nhơn và An Xuân, xã Xuân Hải 151,53ha/151,53 ha KH; cánh đồng lúa tại thôn Tân Lập 1, xã Lương Sơn 100ha/100ha KH, cánh đồng lúa giống tại thôn Hiệp Kiệt, xã Công Hải 70ha/70ha KH, cánh đồng lúa giống tại xã Bắc Phong 103ha/103ha KH.

<sup>4</sup> Trong đó: Trâu 3.994 con, bò 118.326 con, heo 91.830 con, dê cừu 273.603 con.

gia cầm 1.969,8 tấn), tăng 7,8% so cùng kỳ (Tăng xuất chuồng vịt nuôi chạy đồng). Sản lượng trứng gia cầm 20,2 triệu cái, tăng 2,5% so cùng kỳ.

#### **d) Công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi**

- Công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng: Trong tháng đã xuất hiện một số sâu bệnh, gây hại trên cây trồng như lem lép hạt, đạo ôn, sâu đục thân trên lúa; bọ trĩ, mốc sương, phấn trắng trên nho; ruồi đục trái, sâu đục trái, bệnh phấn trắng trên táo; dòi đục lá, thán thư, sâu xanh da láng trên rau đậu, ... Tuy nhiên ngành đã chỉ đạo các đơn vị theo dõi, phát hiện và hướng dẫn người dân không chế kịp thời. Vì vậy tình hình sâu bệnh phát sinh, gây hại chỉ xảy ra ở mức độ nhẹ - trung bình.

- Công tác phòng chống dịch bệnh trên vật nuôi: Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm ổn định, trên địa bàn tỉnh không xảy ra ca mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm (*Lở mồm long móng, cúm gia cầm, heo tai xanh*). Đối với một số bệnh truyền nhiễm khác như Tụ huyết trùng chỉ xuất hiện rải rác tại một số địa phương, nhưng được phát hiện sớm và không chế kịp thời. Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi đang được kiểm soát, không có ổ dịch bệnh nào xảy ra.

### **2. Sản xuất thủy sản**

#### **a) Nuôi trồng thủy sản**

- **Tôm thương phẩm:** Diện tích nuôi đạt 318,6 ha, giảm 13,5% so cùng kỳ, sản lượng thu hoạch ước 840 tấn, giảm 11,6% so cùng kỳ; **Cá:** Diện tích nuôi ước đạt 83,0 ha<sup>5</sup>, tăng 3,75% so cùng kỳ, sản lượng ước đạt 148,8 tấn<sup>6</sup>; **Thủy sản khác:** Sản lượng ước 504 tấn (trong đó: **Ôc hương** sản lượng ước đạt 260 tấn);

- **Trồng rong:** Diện tích trồng đạt 14,8 ha bằng cùng kỳ, tập trung tại khu vực huyện Ninh Hải. Rong đang sinh trưởng và phát triển bình thường.

#### **b) Khai thác thủy sản**

Toàn tỉnh có khoảng trên 85% lượng tàu cá tham gia hoạt động khai thác thủy sản trên ngư trường từ Ninh Thuận đến Kiên Giang với nhiều nghề đạt hiệu quả như: Vây rút chì, lưới rê nylon, lưới kéo, ... Ước sản lượng khai thác thủy sản lũy thặng 4/2020 được 9.534,83 tấn tăng 12% so cùng kỳ, lũy kế 4 tháng đầu năm được 29.674,5 tấn, đạt 95% so cùng kỳ.

Công tác quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản: Kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu cá 101 chiếc (lũy kế 462 chiếc); kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm tàu các 70 chiếc (lũy kế 287 chiếc); đăng ký tàu cá 20 chiếc (lũy kế 183 chiếc); cấp đăng ký thuyền viên tàu cá 14 trường hợp (lũy kế 113 trường hợp); cải hoán tàu cá 10 trường hợp (lũy kế 55 trường hợp).

<sup>5</sup> Trong đó: Cá mặn lợ 5 ha, cá nước ngọt 78 ha.

<sup>6</sup> Trong đó: Cá mặn lợ 49,9 tấn, cá nước ngọt 98,9 tấn.

### c) Sản xuất giống thủy sản

**Sản xuất tôm giống:** Hiện đã vào vụ sản xuất chính nên các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản đã bắt đầu ương nuôi đồng loạt, sản lượng ước đạt 6.097 triệu con (*lũy kế 16.195 triệu con<sup>7</sup>, tăng 8% so cùng kỳ*). **Sản xuất giống thủy sản khác:** Hiện có 40 cơ sở hoạt động sản xuất các đối tượng hải đặc sản khác (*ốc hương, sò, hào, cá biển ...*), sản lượng sản xuất trong tháng được 20 triệu con (*lũy kế là 60 triệu con, giảm 14,3% so với cùng kỳ*).

### d) Công tác phòng chống dịch bệnh trên động vật thủy sản

Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh; triển khai Kế hoạch sản xuất, lịch thời vụ nuôi trồng thủy sản năm 2020 trên địa bàn toàn tỉnh; Tập trung công tác quản lý chất lượng giống thủy sản theo Thông tư 26/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám sát chuyển đổi mục đích sử dụng tôm bố mẹ hết thời gian sử dụng sinh sản 32 lô/12.453 con; Kiểm tra và cấp 39 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ương dưỡng giống thủy sản theo quy định.

Chú trọng công tác quan trắc môi trường và cảnh báo dịch bệnh tại các vùng nuôi tập trung của tỉnh, kịp thời đưa ra các cảnh báo, khuyến cáo về tình hình dịch bệnh cũng như ô nhiễm môi trường phục vụ hoạt động sản xuất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh. Kiểm tra, đánh giá và cấp 25 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ương dưỡng giống thủy sản theo quy định (*lũy kế 64*).

Ngoài ra, trong tháng kiểm dịch 3.590 triệu con *Nauplius*, 75 con tôm sú bố mẹ, 46.500 con cá, 21,2 triệu con ốc hương giống.

### e) Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2016/NĐ-CP, Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg

Tổ chức họp thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá theo Nghị định 17/2018/NĐ-CP của Chính phủ cho chủ tàu Huỳnh Trọng Nghĩa thuộc xã Tri Hải, huyện Ninh Hải.

## 3. Lâm nghiệp

Hiện nay, tình hình khô hạn kéo dài, dễ xảy ra cháy rừng, cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn toàn tỉnh đang ở cấp V (*kể từ ngày 21/01/2020*). Do vậy, Ngành đã triển khai các đơn vị và chủ rừng tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy rừng và truy quét chống phá rừng. Từ đầu mùa khô đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 82 điểm cháy với tổng diện tích rừng bị cháy là 55.49 ha (*huyện Ninh Sơn: 43,12 ha, huyện Bác Ái: 12,07 ha, huyện Thuận Nam: 0,3 ha*); các điểm cháy rừng đều được phát hiện và huy động lực lượng chữa cháy kịp thời nên không gây thiệt hại đến cây rừng.

Trong tháng lực lượng Kiểm lâm, chủ rừng, chính quyền địa phương phối hợp với lực lượng Công an, Quân đội đã tổ chức 91 đợt kiểm tra, truy quét và tuần tra kiểm soát với hơn 619 lượt người tham gia, phát hiện, ngăn chặn 8 vụ vi

<sup>7</sup> Trong đó: tôm sú giống 3.600 triệu con, tôm thẻ giống 11.400 triệu con.

phạm về lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng. Đã xử lý 8 vụ vi phạm: Tịch thu 0,22 m<sup>3</sup> gỗ tròn; 1,86 m<sup>3</sup> gỗ xẻ; 52 kg gốc cây; 01 xe ô tô máy kéo và 01 xe máy. Lũy kế từ đầu năm cho đến nay, phát hiện 55 vụ vi phạm; xử lý 41 vụ vi phạm; tịch thu 5,27 m<sup>3</sup> gỗ tròn; 6,19 m<sup>3</sup> gỗ xẻ; 270 kg than; 6.976 kg gốc cây; 01 xe ô tô máy kéo; 15 xe máy; 13 cửa máy. Khởi tố hình sự 01 vụ khai thác gỗ trái phép tại khu vực giáp ranh huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

#### **4. Diêm nghiệp**

Tính đến ngày 16/4/2020, tổng sản lượng muối sản xuất được 279.834 tấn<sup>8</sup>, đạt 80% KH. Giá muối hiện tại: Muối diêm dân 350đ – 600đ/kg, muối công nghiệp 650đ – 1.000đ/kg).

#### **5. Chương trình xây dựng nông thôn mới:**

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 670/KH-UBND ngày 09/3/2020 triển khai thực hiện Chương trình nông thôn mới năm 2020; Phối hợp với các Sở, ngành tổ chức thẩm định hồ sơ, tiêu chí đề nghị xét công nhận 02 xã Nhơn Hải và Lâm Sơn đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới toàn tỉnh lên 25 xã; Tổ chức lễ công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới 2019 cho các xã Phước Hải, An Hải; Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Đoàn thẩm tra và tổ chức đoàn thẩm tra để tiến hành khảo sát thực tế, thẩm tra hồ sơ xét đề nghị, công nhận huyện Ninh Phước đạt huyện nông thôn mới.

#### **6. Phát triển nông thôn**

Chương trình Bố trí dân cư: Dự án bố trí dân cư vùng sạt lở ven biển Cà Ná, huyện Thuận Nam: Phối hợp với các cơ quan liên quan bồi thường cho 04 hộ gia đình, cá nhân có đất được bồi thường để giải phóng mặt bằng giai đoạn 3 của dự án; Hoàn chỉnh hồ sơ điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Khu tái định cư N10-N11 thuộc đồ án quy hoạch điểm đô thị Cà Cá và đã được Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam phê duyệt.

Kinh tế hợp tác: Tiếp tục triển khai Đề án "Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác nông nghiệp"; Hỗ trợ mô hình thí điểm cán bộ trẻ về làm việc tại các HTX năm 2020; Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí tổ chức các lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Hợp tác xã năm 2020, các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX; kết hợp tuyên truyền phổ biến Luật HTX với triển khai các nhiệm vụ trọng tâm theo Kế hoạch số 4043/KH-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh Kế hoạch Phát triển kinh tế tập thể năm 2020 nhằm góp phần xây dựng thành công 6-7 HTX nông nghiệp điển hình kiểu mới trên địa bàn tỉnh.

<sup>8</sup> Trong đó: Muối công nghiệp 184.000 tấn, muối diêm dân 95.834 tấn.

## **7. Công tác kiểm tra ATTP Nông lâm thủy sản:**

Thực hiện kiểm tra, xếp loại 06 cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm và thủy sản đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm (lũy kế 15 cơ sở, trong đó 03 A, 12B); đánh giá định kỳ 05 cơ sở (lũy kế 07 cơ sở, trong đó 02A, 05B); tổ chức kiểm tra và cấp 05 giấy xác nhận kiến thức cho 05 cơ sở (lũy kế 24 giấy xác nhận kiến thức).

## **8. Công tác Thanh tra:**

Trong tháng thực hiện 01 cuộc thanh tra chuyên ngành (Thủy sản) với 73 cá nhân, đã phát hiện 10 cá nhân vi phạm, xử phạt hành chính 15.000.000 đồng.

## **9. Xây dựng cơ bản:**

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án chuyển tiếp và các dự án mới. Tổng vốn kế hoạch năm 2020 được phân bổ 182.732 triệu đồng. Ước tính đến ngày 16/4/2020 giải ngân 28.466 triệu đồng, tỷ lệ đạt 16% KH.

## **10. Công tác nghiên cứu chuyển giao khoa học kỹ thuật, nhân rộng mô hình:**

Tiếp tục hướng dẫn các hộ dân thực hiện tốt các dự án, mô hình triển khai năm 2019: Dự án “Ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật trong chăn nuôi bò hướng thịt tại các xã khó khăn, dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Thuận”, Dự án Xây dựng mô hình trồng và thâm canh cây ăn trái (bưởi da xanh, táo, măng cầu dai...) theo hướng VietGAP...

Triển khai các mô hình năm 2020: Dự án Xây dựng hạ tầng phục vụ vùng sản xuất rau an toàn tập trung xã An Hải, Mô hình trồng giống mía mới, áp dụng quy trình kỹ thuật thâm canh, liên kết với nhà máy tiêu thụ mía nguyên liệu...

Tham gia viết bài cho trang web của Sở Nông nghiệp và PTNT và Trung tâm Khuyến nông Quốc gia (07 bài).

## **II. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện tháng 5 năm 2020.**

### **1. Công tác tuyên truyền, xây dựng và triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của ngành**

- Tiếp tục tập trung cho công tác tuyên truyền: Luật và các văn bản dưới Luật về các lĩnh vực thủy lợi, thủy sản, trồng trọt, thú y và lâm nghiệp; tiếp tục vận hành hiệu quả mô hình “Mỗi cán bộ, công chức, viên chức là một truyền thuyết viên” để tăng cường công tác tuyên truyền chủ trương, định hướng xây dựng nông thôn mới, cơ cấu lại nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu và phòng chống dịch bệnh.

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện 05 chuyên đề trọng tâm của ngành Nông nghiệp năm 2020 (Chuyển đổi cơ cấu cây trồng; liên kết cánh đồng lớn; nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả gắn với xây dựng NTM; liên kết chuỗi giá trị với các doanh nghiệp; áp dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất) có hiệu quả nhằm góp phần đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

## **2. Sản xuất nông nghiệp**

- Tập trung cho thu hoạch vụ Đông Xuân 2019-2020; theo dõi, chỉ đạo sản xuất vụ Hè Thu năm 2020 trong điều kiện hạn hán kéo dài; tiếp tục thực hiện công tác chuyển đổi vụ Hè Thu và mô hình sản xuất cánh đồng lớn; triển khai san phẳng mặt ruộng cho huyện Bắc Ái và các địa phương theo Kế hoạch số 62/KH-UBND của UBND tỉnh.

- Làm tốt công tác dự báo, dự tính, theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, thủy văn để điều chỉnh hợp lý kế hoạch cấp nước, kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng; tăng cường công tác hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc cây trồng và phòng trừ dịch hại; thường xuyên triển khai thực hiện công tác kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ, an toàn vệ sinh thực phẩm; công tác giám sát dịch bệnh gia súc, gia cầm tại các địa phương trên địa bàn toàn tỉnh. Hạn chế mức thấp nhất về thiệt hại do sâu, rầy, dịch bệnh,... trên cây trồng và vật nuôi.

## **3. Sản xuất thủy sản**

- Theo dõi, dự báo thông tin ngư trường, chỉ đạo sản xuất và hỗ trợ ngư dân khai thác vụ cá Nam. Tiếp tục triển khai kế hoạch vận động, hướng dẫn và hỗ trợ ngư dân tham gia khai thác hải sản trên vùng biển xa theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và Nghị định số 17/2018/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP.

- Chỉ đạo và hướng dẫn nuôi thủy sản theo các quy trình sản xuất tốt, quan trắc môi trường, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, phòng ngừa dịch bệnh tại các vùng nuôi, tiêu độc khử trùng các ao nuôi khi có bệnh xảy ra. Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất nuôi trồng thủy sản đảm bảo giống đạt chất lượng cao, sạch bệnh, cung cấp cho các vùng nuôi trong và ngoài tỉnh.

- Theo dõi chặt chẽ hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản: về quản lý tàu cá, thuyền viên; về thu gom, bảo quản vận chuyển thủy sản khai thác, về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không chấp hành theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2017 của Chính phủ.

## **4. Lâm nghiệp**

- Tiếp tục chỉ đạo lực lượng Kiểm lâm thực hiện phương án phòng chống cháy rừng năm 2020; thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, tổ chức cảnh báo cháy rừng, ngăn ngừa các nguy cơ xảy ra cháy rừng; chuẩn bị và triển khai tốt lực lượng, phương tiện, vật chất trang thiết bị sẵn sàng cho công tác chữa cháy rừng để kịp thời dập tắt khi có xảy ra.

- Tổ chức kiểm tra, truy quét, ngăn chặn chống phá rừng; triển khai công tác chuẩn bị trồng rừng theo kế hoạch, chăm sóc rừng trồng đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật; tiếp tục nâng cao hiệu quả trong giao khoán bảo vệ rừng,... Thực hiện có hiệu quả Nghị định số 75/2015/NĐ-CP thông qua việc bảo vệ, phát triển,

quản lý sử dụng bền vững diện tích rừng tự nhiên và rừng sản xuất hiện có trên địa bàn tỉnh.

### **5. Thủy lợi, xây dựng cơ bản và các chương trình mục tiêu**

- Tập trung rà soát, cân đối diện tích gieo trồng để xây dựng kế hoạch điều tiết nước sản xuất vụ Hè Thu 2020, nhằm đảm bảo nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp cho nhân dân.

- Hoàn thiện các hồ sơ dự án, công trình hoàn thành quyết toán của năm 2019; tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình chuyển tiếp đang thi công sớm hoàn thành để đưa vào khai thác, sử dụng; đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ dự án, công trình đầu tư mới để sớm được khởi công theo kế hoạch vốn giao.

- Chỉ đạo các đơn vị tập trung kiểm tra các công trình hồ đập, đê điều, cảng cá, bến cá và khu neo đậu tránh trú bão; chuẩn bị và triển khai tốt công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn vào đầu mùa mưa bão.

### **6. Công tác thanh kiểm tra, phòng chống tham nhũng**

Tổ chức thanh tra, triển khai các cuộc thanh tra hành chính tại các đơn vị theo kế hoạch; thanh tra chuyên ngành (chú trọng tăng cường thanh tra đột xuất) trên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh phân bón và giống cây trồng, lĩnh vực khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, lĩnh vực thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và chế phẩm sinh học; tập huấn, tuyên truyền giáo dục pháp luật về thanh tra. Thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng, phấn đấu không đơn vị, cá nhân trong toàn ngành để xảy ra tiêu cực, tham nhũng.

### **7. Công tác khác**

- Tập trung triển khai các nhiệm vụ kế hoạch, giải pháp cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện công tác tham mưu UBND tỉnh phê duyệt các báo cáo, đề án, kế hoạch... của ngành trên các lĩnh vực theo kế hoạch; các chính sách thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chính sách liên quan của ngành thực hiện giảm nghèo bền vững và các nhiệm vụ đột xuất khác.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, quyết định, kế hoạch của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo ngành. Tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2020.

- Trả lời và giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri theo chức năng thẩm quyền được UBND tỉnh chỉ đạo thông qua các đợt tiếp xúc cử tri của Đoàn Đại biểu Quốc Hội, HĐND tỉnh; tổ chức tiếp dân và tiếp nhận giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân theo đúng quy định.

Trên đây là báo cáo về kết quả tình hình thực hiện tháng 4 năm 2020, công tác chỉ đạo điều hành, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện tháng 5 năm 2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực tỉnh uỷ;
- HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Giám đốc, các Phó GD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu VP: VT, KHTC.



)  
#

)  
#

)  
#

)  
#

)  
#

)  
#

)  
#

)  
#

)  
#

)  
#

)  
#

)  
#

)  
#

)  
#

)  
#

)  
#

**TIẾN ĐỘ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN THÁNG 4/2020**

A	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Kế hoạch vụ hoặc năm 2020	Ước thực hiện kỳ này	% so sánh với	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
	B	C	1	2	3		5=3/2
<b>I</b>	<b>TRỒNG TRỌT</b>	Ha	<b>30.067,5</b>	<b>24.804,4</b>	<b>25.288,9</b>	<b>84,1</b>	<b>102,0</b>
	<i>Trong đó: Diện tích gieo trồng mới vụ ĐX</i>		<i>26.009,1</i>	<i>19.940,5</i>	<i>20.423,7</i>	<i>78,5</i>	<i>102,4</i>
<b>1</b>	<b>Cây lương thực có hạt</b>	Ha	<b>19.755,9</b>	<b>13.345,8</b>	<b>14.355,6</b>	<b>72,7</b>	<b>107,6</b>
<b>1.1</b>	<b>Lúa vụ Đông Xuân</b>						
	+ Diện tích gieo cấy	Ha	17.050,5	11.120,8	11.974,2	70,2	107,7
	+ Năng suất	tạ/ha	64,2	65,0	68,2	106,2	104,9
	+ Sản lượng	Tấn	109.464,2	72.309,2	81.664,0	74,6	112,9
<b>1.2</b>	<b>Ngô vụ Đông Xuân</b>						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.685,4	2.200,0	2.371,4	88,3	107,8
	+ Năng suất	tạ/ha	59,2	54,9	56,6	95,5	103,1
	+ Sản lượng	Tấn	15.908,3	12.080,0	13.422,1	84,4	111,1
<b>1.3</b>	<b>Cây có hạt khác</b>						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	20,0	25,0	10,0	50,0	40,0
<b>2</b>	<b>Cây có củ</b>	Ha	<b>4.572,0</b>	<b>5.397,9</b>	<b>5.243,9</b>	<b>114,7</b>	<b>97,1</b>
<b>2.1</b>	<b>Sắn</b>						
	+ Tổng diện tích gieo trồng	Ha	4.478,4	5.193,9	5.193,9	116,0	100,0
	+ Tổng diện tích thu hoạch		4.478,4	5.193,9	5.193,9	116,0	100,0
	+ Diện tích trồng mới	Ha	378,5	330,0	274,0	72,4	83,0
	+ Năng suất thu hoạch	Tạ/ha	198,6	210,0	191,9	96,6	91,5
	+ Sản lượng	Tấn	88.935,6	109.071,9	99.670,9	112,1	91,3
<b>2.2</b>	<b>Khoai lang</b>						
	+ Tổng Diện tích gieo trồng	Ha	93,6	204,0	49,5	52,9	24,3
	+ Năng suất	tạ/ha	128,3	84,0	127,3	99,2	151,5
	+ Sản lượng	Tấn	1.200,6	1.713,6	630,1	52,5	
<b>2.3</b>	<b>Khác</b>	Ha			<b>0,5</b>		
<b>3</b>	<b>Cây thực phẩm</b>	Ha	<b>3.925,1</b>	<b>3.818,0</b>	<b>3.856,4</b>	<b>98,2</b>	<b>101,0</b>
<b>3.1</b>	<b>Rau các loại</b>						
	Diện tích gieo trồng	Ha	3.114,5	2.715,0	3.024,5	97,1	111,4
	Năng suất	tạ/ha	200,4	169,9	168,6	84,1	99,2
	Sản lượng	Tấn	62.429,8	46.125,0	50.993,1	81,7	110,6
<b>3.2</b>	<b>Đậu các loại</b>						
	Diện tích gieo trồng	Ha	789,8	1.072,0	803,7	101,8	75,0
	Năng suất	tạ/ha	11,1	6,1	8,1	72,8	132,8
	Sản lượng	Tấn	878,3	650,8	651,0	74,1	100,0
<b>3.3</b>	<b>Hoa, cây cảnh</b>						
	Diện tích gieo trồng	Ha	20,8	31,0	28,2	135,6	91,0
<b>4</b>	<b>Cây công nghiệp hàng năm</b>	Ha	<b>336,1</b>	<b>579,0</b>	<b>317,4</b>	<b>94,4</b>	<b>54,8</b>
<b>4.1</b>	<b>Lạc vụ Đông Xuân</b>						
	+ Tổng Diện tích gieo trồng	Ha	278,6	474,0	250,4	89,9	52,8
	+ Năng suất	tạ/ha	16,9	10,7	12,2	72,2	113,8
	+ Sản lượng	Tấn	469,7	505,8	305,0	64,9	60,3
<b>4.2</b>	<b>Mía</b>						
	+ Diện tích trồng mới	Ha	41,5		54,7	131,8	
<b>4.3</b>	<b>Vùng</b>						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	12,5	105,0	15,0	120,0	14,3
	+ Năng suất	tạ/ha	4,2	4,7	0,0	0,0	0,0
	+ Sản lượng	Tấn	5,2	49,0	0,0	0,0	0,0



A	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Kế hoạch vụ hoặc năm 2020	Ước thực hiện kỳ này	% so sánh với	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
B	C	1	2	3		5=3/2	
<b>4.4</b>	<b>Đậu tương</b>						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha					
	+ Sản lượng	Tấn					
<b>4.5</b>	<b>Thuốc lá, thuốc lào</b>						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	45,0		52,0	115,6	
	+ Năng suất	tạ/ha	21,8		23,5	107,8	
	+ Sản lượng	Tấn	98,1		122,2	124,6	
<b>5</b>	<b>Cây gia vị, dược liệu</b>						
	Diện tích gieo trồng	Ha	330,7	321,0	268,2	81,1	83,6
<b>6</b>	<b>Cây hàng năm khác</b>						
	Diện tích gieo trồng	Ha	1.147,7	1.342,7	1.247,4	108,7	92,9
<b>II</b>	<b>Chăn nuôi</b>						
<b>1</b>	<b>Sản lượng thịt hơi gia súc</b>	<b>Tấn</b>	<b>9.168,9</b>	<b>26.400,0</b>	<b>9.929,2</b>	<b>108,3</b>	<b>37,6</b>
	+ Trâu	Tấn	55,8		57,9	103,8	
	+ Bò	"	2.041,7		2.143,7	105,0	
	+ Dê Cừu	"	1.435,6		1.483,0	103,3	
	+ Lợn	"	5.635,8		6.244,6	110,8	
<b>2</b>	<b>Sản lượng thịt gia cầm</b>	<b>Tấn</b>	<b>1.874,1</b>	<b>4.500,0</b>	<b>1.969,8</b>	<b>105,1</b>	<b>43,8</b>
<b>3</b>	<b>Sản lượng trứng gia cầm</b>	<b>Triệu cái</b>	<b>19,7</b>		<b>20,2</b>	<b>102,5</b>	
<b>III</b>	<b>LÂM NGHIỆP</b>						
<b>1</b>	<b>Trồng mới rừng phòng hộ</b>	<b>Ha</b>		<b>230</b>			
<b>2</b>	<b>Giao khoán BV Rừng</b>	<b>Ha</b>	<b>60.935,3</b>	<b>60.888</b>	<b>65.987,3</b>	<b>108,3</b>	<b>108,4</b>
<b>3</b>	<b>Khoanh nuôi tái sinh rừng</b>	<b>Ha</b>	<b>4.803,0</b>	<b>3.635</b>	<b>3.027,0</b>	<b>63,0</b>	<b>83,3</b>
<b>IV</b>	<b>DIỆM NGHIỆP</b>						
<b>1</b>	<b>Sản lượng muối khai thác</b>	<b>Tấn</b>	<b>173.920,0</b>	<b>350.000,0</b>	<b>279.834,0</b>	<b>160,9</b>	<b>80,0</b>
<b>2</b>	<b>Chia ra: - Sản xuất công nghiệp</b>	<b>"</b>	<b>110.200,0</b>	<b>200.000,0</b>	<b>184.000,0</b>	<b>167,0</b>	<b>92,0</b>
	- Diêm dân	"	63.720,0	150.000,0	95.834,0	150,4	63,9
<b>V</b>	<b>THUY SẢN</b>						
	<b>Tổng diện tích nuôi</b>	<b>Ha</b>	<b>368,3</b>	<b>767,0</b>	<b>318,6</b>	<b>86,5</b>	<b>41,5</b>
<b>1</b>	<b>Nuôi nước ngọt</b>	<b>"</b>	<b>72,0</b>	<b>80,0</b>	<b>78,0</b>	<b>108,3</b>	<b>97,5</b>
	- Diện tích nuôi cá	"	72,0	80,0	78,0	108,3	97,5
<b>2</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	<b>Ha</b>	<b>296,3</b>	<b>687,0</b>	<b>240,6</b>	<b>81,2</b>	<b>35,0</b>
	- Diện tích nuôi cá	"	8,0	15,0	5,0	62,5	33,3
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	210,0	530,0	164,8	78,5	31,1
	+ DT nuôi tôm sú	"		20,0			
	+ DT nuôi tôm thẻ	"	210,0	510,0	164,8	78,5	32,3
	Diện tích nuôi khác	"	78,3	142,0	70,8	90,4	49,9
	+ Rong sụn và rong nho	"	14,8	42,0	14,8	100,0	35,2
	+ Cua, ghẹ, ốc hương, hàu...	"	63,5	100,0	56,0	88,2	56,0
	<b>Thế tích nuôi lồng, bè</b>	<b>m<sup>3</sup></b>	<b>61.200,0</b>	<b>75.000,0</b>	<b>86.400,0</b>	<b>141,2</b>	<b>115,2</b>
	+ Nuôi giáp xác	"	43.200,0	50.000,0	66.600,0	154,2	133,2
	+ Nuôi cá	"	18.000,0	25.000,0	19.800,0	110,0	79,2
<b>3</b>	<b>Sản lượng con giống sản xuất</b>	<b>Triệu con</b>	<b>15.070,0</b>	<b>36.200,0</b>	<b>16.255,0</b>	<b>107,9</b>	<b>44,9</b>
	- Tôm giống	"	15.000,0	36.000,0	16.195,0	108,0	45,0
	+ Tôm sú	"	3.600,0	6.000,0	3.996,0	111,0	66,6
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	11.400,0	30.000,0	12.199,0	107,0	40,7
	- Nhuyễn thể giống (ốc hương, tu hải)	"	70,0	200,0	60,0	85,7	30,0
<b>4</b>	<b>Tổng sản lượng nuôi</b>	<b>Tấn</b>	<b>1.623,8</b>	<b>9.415,0</b>	<b>1.509,8</b>	<b>93,0</b>	<b>16,0</b>
	- Nuôi nước ngọt	Tấn	102,5	250,0	98,9	96,5	39,6
	+ Sản lượng cá	"	102,5	250,0	98,9	96,5	39,6

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Kế hoạch vụ hoặc năm 2020	Ước thực hiện kỳ này	% so sánh với		
					Cùng kỳ	Kế hoạch	
A	B	C	1	2	3	5=3/2	
- Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	1.521,3	9.165,0	1.410,9	92,7	15,4	
+ Sản lượng cá nuôi	"	43,3	300,0	49,9	115,2	16,6	
+ Sản lượng tôm nuôi	"	950,0	5.865,0	840,0	88,4	14,3	
Sản lượng tôm sú	"	0,0	70,0	0,0		0,0	
Sản lượng tôm thẻ	"	950,0	5.795,0	840,0	88,4	14,5	
+ Tôm hùm		14,0	80,0	17,0	121,4	21,3	
+ Sản lượng thủy sản khác	"	514,0	2.920,0	504,0	98,1	17,3	
<b>5 Tổng sản lượng khai thác</b>	Tấn	<b>31.230,2</b>	<b>113.500,0</b>	<b>29.674,5</b>	<b>95,0</b>	<b>26,1</b>	
- Khai thác biển	Tấn	31.215,4	113.442,0	29.659,7	95,0	26,1	
+ Sản lượng cá	Tấn	29.964,9	108.500,0	28.406,7	94,8	26,2	
+ Sản lượng giáp xác (tôm)	Tấn	196,1	500,0	224,0	114,3	44,8	
+ Sản lượng nhuyễn thể	Tấn	841,7	3.000,0	631,8	75,1	21,1	
+ Sản lượng hải sản khác	Tấn	212,7	1.442,0	397,1	186,7	27,5	
- Khai thác nội địa	Tấn	14,8	58,0	14,8	100,1	25,6	



( )
( )
( )
( )
( )

1  
P

1  
P

1  
P

1  
P

1  
P

1  
P

1  
1

1  
1

1  
1

1  
1

1  
1

1  
1

11  
11

11  
11

11  
11

11  
11

11  
11